

THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM



1. Tên sản phẩm và nhà sản xuất

Tên sản phẩm : **EXPO ALKYD**
Nhà sản xuất : Công ty TNHH 4 Oranges
 : Lô C-02-1, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông,
 Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.
 Điện thoại: + 84 723 779 618
 Fax: + 84 723 779 610
Ứng dụng sản phẩm : Lớp phủ ngoài: Sơn dung môi.

2. Nhận biết các nguy hại

Sản phẩm này bị phân loại là nguy hiểm theo Chỉ thị 1999/45/EC và các bản hiệu chỉnh.
 Dễ cháy. Hơi dung môi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.
 Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.



Nguy hiểm cho môi trường

Các câu cảnh báo phụ : Chứa 2-butanone oxime, hexanoic acid, 2-ethyl-, cobalt salt.
 Có thể sản sinh dị ứng.

3. Thành phần/ Thông tin về các chất cấu thành

Các chất nguy hiểm cho môi trường hay sức khỏe theo định nghĩa Chỉ Thị chất nguy hiểm 67/548/EEC.

Tên hóa chất	Số CAS	Số EC	% theo trọng lượng	Phân loại
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy	64742-82-1	265-185-4	25 - 50	R10 Xn; R65, R66, R67 N; R51/53
2-butanone oxime	96-29-7	202-496-6	0.1 - 1	Carc. Cat. 3; R40 Xn; R21 Xi; R41 R43
Hexanoic acid, 2-ethyl-, cobalt salt	13586-82-8	237-015-9	0.1 - 1	Xi; R38 R43 N; R51/53

Xem phần 16 để có diễn giải đầy đủ của nhóm từ R, Xn, Xi, N được khai báo bên trên.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (nếu có), được liệt kê trong phần 8.

4. Các biện pháp sơ cứu

Các biện pháp sơ cứu:

Tổng quát : Trong tất cả các trường hợp nghi ngờ hay triệu chứng không giảm, phải đưa đi bác sĩ. Không được đưa bất cứ vật gì vào miệng của người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh đặt nằm ở vị trí phục hồi và tìm hỗ trợ y tế.

Hít phải : Đưa ra chỗ thoáng khí, giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay hiện tượng suy giảm hô hấp làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy, thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện.

Tiếp xúc ngoài da : Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà bông và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Không được sử dụng dung môi hay chất pha loãng.

Tiếp xúc mắt : Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước ít nhất 15 phút, giữ cho mí mắt mở.

Nuốt phải : Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Không được ép nôn ra.

5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy : Bột, bình phun nước hoặc phun sương.
Bột hóa chất khô, CO₂, cát hoặc đất chỉ dùng cho những đám cháy nhỏ.

Phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không được dùng vòi phun nước có áp lực lớn.

Các khuyến cáo : Đám cháy sẽ sinh ra khói đen dày. Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Có thể cần dụng cụ thở thích hợp.
Để giữ mát cho các bình chữa kể bên bằng cách phun nước lạnh lên trên các thùng này. Không cho nước dùng để chữa cháy chảy xuống cống hoặc kênh rạch.

6. Các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị chảy tràn ra bất ngờ

Phòng ngừa : Loại trừ phần phát lửa, thông gió tốt cho khu vực chứa. Tránh hít hơi sương.
Tham khảo các biện pháp kiệt kê trong phần 7 & 8.
Hốt và dọn chất chảy đổ bằng chất không gây cháy, chất hấp thụ như cát, đất hay bùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng quy định của địa phương (xem phần 13).

Đổ tràn : Nên chùi rửa bằng chất tẩy sạch. Tránh dùng dung môi.

Ghi chú: xem phần 8 về thiết bị bảo hộ cá nhân và phần 13 về xử lý chất thải.

7. Xử lý và lưu trữ

Xử lý : Hơi nặng hơn không khí và có thể lan tỏa khắp sàn. Hơi có thể hình thành hỗn hợp dễ nổ với không khí. Ngăn ngừa tạo thành nồng độ gây cháy nổ của hơi sơn trong không khí và tránh nồng độ của hơi sơn cao hơn Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp.
Ngoài ra, sản phẩm chỉ được sử dụng tại những nơi đã loại trừ ánh đèn không màn chắn và các nguồn bắt lửa khác. Thiết bị điện phải được bảo vệ theo tiêu chuẩn thích hợp.
Để khử tĩnh điện trong lúc di chuyển, phải tiếp đất cho thùng chứa và nối thùng chứa với thùng nhận bằng dây nối khử tĩnh điện. Người điều khiển phải mang giày và quần áo chống tĩnh điện, sàn phải thuộc loại dẫn điện.
Giữ bình chứa đóng kín. Tránh xa sức nóng, tia lửa và lửa. Không được sử dụng công cụ phát ra tia lửa.
Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít bụi, hạt, sương hay hơi sơn khi thi công sản phẩm này. Tránh hít bụi khi phun cát.
Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này.
Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
Không được dùng áp suất để làm sạch thùng chứa. Thùng chứa không phải là bình chịu được áp suất.
Luôn trữ trong bình làm từ chất liệu như bình chứa gốc.
Tuân thủ luật an toàn sức khỏe và lao động.
Khi người điều khiển làm việc trong phòng phun, thì dù có đang phun hay không, hệ thống thông khí cũng không đủ khả năng kiểm soát các hạt bụi và hơi dung môi trong mọi trường hợp. Trong tình huống như vậy, họ phải mang khẩu trang được nối với ống dưỡng khí nên trong quá trình phun và cho đến khi mật độ các hạt bụi và hơi dung môi đạt xuống dưới mức nguy hại.

Lưu trữ : Cát giữ theo đúng quy định của địa phương. Tuân theo cảnh báo trên nhãn hiệu.
Lưu trữ ở nơi khô ráo, thoáng mát, thông thoáng. Để xa sức nóng hay ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Để xa ra khỏi nguồn bắt lửa. Tránh xa ra: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.
Cấm hút thuốc. Cấm người không có nhiệm vụ vào ra. Các thùng sơn đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và dựng đứng để tránh rò rỉ. Không được đổ vào cống rãnh.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/ Bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật : Phải thông gió tốt. Khi áp dụng được, cần đạt được điều này bằng cách sử dụng ống thông hơi tại chỗ và thiết bị máy hút thật tốt.
Nếu những điều này không đủ để duy trì nồng độ bụi và hơi dung môi dưới Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp, phải mang dụng cụ bảo vệ hệ hô hấp thích hợp.

TRANG DỮ LIỆU AN TOÀN VỀ SẢN PHẨM

Tên thành phần Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy Hexanoic acid, 2-ethyl-, cobalt salt	Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp EH40-WEL (Liên hiệp Vương quốc Anh), 1/2005) STEL: 850 mg/m ³ 15 phút. Hình thức: Mọi hình thức STEL: 150 ppm 15 phút. Hình thức: Mọi hình thức TWA: 566 mg/m ³ 8 giờ. Hình thức: Mọi hình thức TWA: 100 ppm 8 giờ. Hình thức: Mọi hình thức EH40/2005 WELs (Liên hiệp Vương quốc Anh), 8/2007). Chất dị ứng da. Lưu ý: như Co TWA: 0.1 mg/m ³ , (như Co) 8 giờ
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Hệ hô hấp

: Nếu người lao động tiếp xúc với nồng độ cao hơn Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp, họ phải mang dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Sử dụng mặt nạ có bộ lọc dung môi và lọc bụi khí thì công bằng súng phun (như loại bộ lọc kết hợp A2-P2). Tại nơi kín, dùng không khí nén hay thiết bị thở không khí trong lành. Khi thi công bằng cọ lăn hay bằng chổi, nên dùng mặt nạ có bộ lọc dung môi.

Da và cơ thể

: Nhân viên phải mặc quần áo chống tĩnh điện làm từ sợi thiên nhiên hay sợi tổng hợp chống nhiệt cao.

Tay

: Mang găng tay thích hợp.

Đề nghị: găng tay (thời điểm đột phá) >8 tiếng như cao su nitril, cao su butyl, viton 4H

Không đề nghị: găng tay (thời điểm đột phá) < 1 tiếng: polyvinyl alcohol (PVA).

Để chọn đúng loại vật liệu làm găng tay bảo hộ, nên tham khảo lời khuyên của các nhà cung cấp găng tay chịu hóa chất, nên lưu ý khả năng chịu hóa chất và thời gian thẩm thấu của hóa chất vào vật liệu.

Người sử dụng phải xem xét rằng việc chọn lựa loại găng tay để làm việc với sản phẩm này là thích hợp nhất và nên nhớ các điều kiện cụ thể khi sử dụng, như đã có gồm theo trong bản thẩm lượng rủi ro của người dùng..

Mắt

: Sử dụng kính mắt an toàn thiết kế để bảo vệ tránh văng chất lỏng.

9. Thuộc tính lý hóa

Tình trạng vật lý	: Chất lỏng
Mùi	: Đặc tính
Màu	: Theo bảng màu
Điểm cháy	: 36°C
Độ đặc	: 68 - 75 KU, 25±1 °C
Tỷ trọng	: 0.870 - 1.170 g/ml
Hàm lượng VOC	: Max. 800 g/l
Tính hòa tan	: Không hòa tan trong nước.

10. Tính ổn định và độ phản ứng

Ổn định khi sử dụng, lưu trữ và xử lý ở điều kiện bình thường (xem phần 7).

Sản phẩm độc hại khi phân hủy: carbon monoxit, carbon dioxit, khí và các oxit ni-tơ.

Tránh xa ra các chất sau đây để phòng ngừa phản ứng tỏa nhiệt mạnh: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.

11. Thông tin về độc tính

Không có sẵn dữ liệu về chế phẩm này. Sản phẩm này được đánh giá theo phương pháp quy ước của Hướng Dẫn về Sản Phẩm nguy hại 1999/45/EC và được phân loại theo mức nguy độc tính (Xem phần 2 và 15 để biết thêm chi tiết).

Tiếp xúc với nồng độ hơi dung môi vượt quá Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp có thể gây ra hậu quả có hại cho sức khỏe như dị ứng màng nhầy và hệ hô hấp cũng như hậu quả xấu cho thận, gan và hệ thần kinh trung ương.

Dung môi có thể gây một số trong các hậu quả trên khi thẩm thấu qua da. Triệu chứng và dấu hiệu bao gồm: đau đầu, chóng mặt, mệt mỏi, yếu cơ thể, buồn ngủ và trong trường hợp nặng gây bất tỉnh. Tiếp xúc nhiều lần hay lâu dài với sản phẩm này có thể làm mờ tự nhiên của da bị mất đi, hậu quả là bệnh viêm da, mất cảm giác. Nếu văng vào mắt, chất lỏng có thể gây khó chịu và tổn hại cho mắt. Nuốt phải có thể gây buồn nôn, tiêu chảy, nôn mửa, kích thích tiêu hóa và viêm phổi.

Chứa 2-butanone oxime, hexanoic acid, 2-ethyl-, cobalt salt. Có thể sản sinh dị ứng.

Tên sản phẩm	Tên danh sách	Tên trên danh sách	Phân loại	Ghi chú
Hexanoic acid, 2-ethyl-, cobalt salt	Giới hạn phơi nhiễm của Liên hiệp Vương quốc Anh EH40- WEL	Hợp chất Cobalt	Carc.	

12. Thông tin sinh thái

TRANG DỮ LIỆU AN TOÀN VỀ SẢN PHẨM

Không có sẵn dữ liệu về chế phẩm này.

Không cho chảy vào cống hoặc kênh rạch.

Sản phẩm này đã được đánh giá theo phương pháp quy ước của Hướng Dẫn về Sản Phẩm Nguy Hại 1999/45/EC và được phân loại theo mức nguy hại độc tính (xem phần 3 và 15 để biết thêm chi tiết).

Chất độc hại cho môi trường thủy sinh

Tên sản phẩm/ thành phần	Thứ nghiệm	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
Naphtha (petroleum), Hydrodesulfurized heavy	-	Cấp tính EC50 <10 mg/L	Daphnia - Daphnia	48 giờ
	-	Cấp tính IC50 <10 mg/L	Tảo - Selenastrum	72 giờ
	-	Cấp tính LC50 <10 mg/L	Cá	96 giờ

Thông tin sinh thái

Tên sản phẩm/ thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thoái rữa
Naphtha (petroleum), Hydrodesulfurized heavy	-	-	Không

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Danh mục chất thải Châu Âu (EWC)

Không cho chảy vào cống hoặc kênh rạch. Chất này và bình chứa phải xử lý như chất thải nguy hại.

: 08 01 11* chất thải và vec ni có chứa dung môi hữu cơ hoặc chất nguy hiểm khác. Nếu sản phẩm này pha với các chất thải khác, quy tắc này không còn được áp dụng. Nếu pha với các chất thải khác, thì phải được chỉ định một quy tắc thích hợp.

14. Thông tin về vận chuyển

Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết xử lý trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Quy định vận chuyển quốc tế

Tên vận chuyển thích hợp : Sơn
Vận chuyển đường biển : Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy
Số UN : 1263
Phân loại : 3
Nhóm đóng gói : III
Nhãn hiệu :



Đánh dấu :



Những hiểm họa môi trường hoặc nguy cơ ô nhiễm vùng biển chỉ được áp dụng cho những đóng gói chứa nhiều hơn 5L chất lỏng hoặc 5kg chất rắn.

Thông tin phụ

ADR / RID : Mã hạn chế vận chuyển đường hầm: (D/E)
Số xác định mỗi nguy: 30
IMDG : Danh mục cấp cứu (EmS): F-E, S-E
Chất gây ô nhiễm biển: Đúng

Vận chuyển theo các quy định của ADR/RID, IMDG/IMO, ICAO/IATA và các quy định quốc tế.

15. Thông tin quy định

Quy định của EU : Sản phẩm này được xếp loại và dán nhãn hiệu hàng cung cấp đúng theo 1999/45/EC như sau:

Ký hiệu cảnh báo nguy hiểm :



Nguy hiểm cho môi trường

Cụm từ nguy cơ :

: R10 - Dễ cháy.
R67 - Hơi dung môi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

TRANG DỮ LIỆU AN TOÀN VỀ SẢN PHẨM

Cụm từ an toàn	R51/53 - Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước. : S23 - Đừng hít phải hơi hoặc hơi khí khi phun ra. S24/S25 - Tránh tiếp xúc với da và mắt. S51 - Chỉ sử dụng ở khu vực thông thoáng.
Các câu cảnh báo phụ Hạn chế về hướng dẫn tiếp thị và sử dụng	: Chứa: 2-butanone oxime, hexanoic acid, 2-ethyl-, cobalt salt. Có thể sản sinh dị ứng. : Hạn chế dành riêng cho người sử dụng chuyên nghiệp.
Quy định quốc gia Dùng trong công nghiệp	: Thông tin ở trong bản tài liệu về an toàn này không phải để chỉ định sự thẩm lượng riêng của người sử dụng về các rủi ro tại sở làm, như đã do luật pháp về sức khỏe và an toàn quy định. Các điều khoản của những quy tắc quốc gia về sức khỏe và an toàn ở sở làm áp dụng cho việc sử dụng sản phẩm này ở sở.
Phân loại chất độc (TCVN 3164-79)	: 4

16. Thông tin khác

Phân loại CEPE	: 1
Các cụm từ R-đầy đủ đề cập Đến trong phần 2 và 3 - Liên hiệp Vương quốc Anh	: R10 - Dễ cháy. R40 - Bằng chứng hạn chế về hậu quả gây ung thư. R20 - Có hại khi hít. R21- Có hại khi tiếp xúc với da. R65 - Có hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải. R41- Nguy cơ gây tổn hại nghiêm trọng cho mắt. R38 - Dị ứng cho da. R43 - Có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da. R66 - Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da. R67- Hơi dung môi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt. R51/53 - Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra hậu quả có hại lâu dài trong môi trường nước.
Tham chiếu bảng phân loại Đầy đủ ở phần 2 và 3	: Carc. Cat. 3 - Chất gây ung thư loại 3 Xn - Có hại Xi - Gây dị ứng N - Nguy hiểm cho môi trường

Bảng thông tin an toàn này được soạn thảo theo Phụ lục II Quy định (EC) Số 1907/2006.

Người đọc lưu ý:

Thông tin trong bảng Thông Tin An Toàn dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi và luật lệ hiện hành. Sản phẩm này không được phép sử dụng cho những mục đích khác ngoài mục đích đã nêu ở phần 1, ngoại trừ trường hợp trước đó có nhận được các hướng dẫn xử lý bằng văn bản. Người sử dụng có trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục cần thiết để đáp ứng các yêu cầu của quy định và luật lệ địa phương. Thông tin trong bảng Thông Tin An Toàn chỉ được hiểu là sự diễn giải các yêu cầu an toàn cho sản phẩm của chúng tôi. Thông tin này không nên được xem như là sự bảo đảm về các đặc tính của sản phẩm.

**PHIÊN BẢN: 03
PHÁT HÀNH 01/2018 BỞI 4 ORANGES**